

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-38
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-38

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 27/11/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch	
Ông Lê Trung Thành	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 25/06/2018
Ông Cao Chiến Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/10/2018
Bà Nguyễn Hồng Anh	Ủy viên	
Bà Trần Thị Lệ Châm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01/10/2018

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/12/2018
Ông Bùi Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm Tổng Giám đốc ngày 07/12/2018 và bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 07/12/2018
Bà Nguyễn Hồng Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hà Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	
Ông Bùi Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 01/11/2018
Bà Hà Hồng Thúy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 01/10/2018
Ông Nguyễn Doan Cự	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 11/04/2018
Ông Lê Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/06/2018
Ông Phạm Văn Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 30/09/2018
Ông Trần Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/10/2018
Ông Hoàng Ngọc Phong	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/12/2018

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Phú Cường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25/06/2018
Bà Đường Thị Hồng Hải	Thành viên	Miễn nhiệm trưởng ban và là thành viên ban kiểm soát từ ngày 25/06/2018
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên	

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được lập ngày 30 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao của tài sản cố định hữu hình là các tài sản trên lô đất số 15 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và dây chuyền bánh mềm đã ngưng sản xuất trong năm. Cụ thể như sau:

- Khấu hao ghi nhận thiếu của các tài sản trên lô đất số 15 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội là 3.791.642.137 đồng (bao gồm: Khấu hao của năm 2018 là 437.826.834 đồng và khấu hao của các năm tài chính trước là 3.353.815.304 đồng).
- Khấu hao ghi nhận thiếu trong năm của dây chuyền bánh mềm là 3.321.257.845 đồng.

Nếu Công ty ghi nhận đúng theo chế độ kế toán hiện hành thì trên Bảng Cân đối kế toán, chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" - Mã số 221 tại ngày 01/01/2018 và 31/12/2018 giảm đi tương ứng 3.353.815.304 đồng và 7.112.899.983 đồng; trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" - Mã số 26 tăng lên 437.826.834 đồng và chỉ tiêu "Chi phí khác" - Mã số 32 tăng lên 3.321.257.845 đồng. (84)24 3824 1990 | F: (84)24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

2. Công ty chưa phân loại khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả tại thời điểm đầu và cuối năm tài chính. Nếu Công ty phân loại đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán, tại ngày 01/01/2018, chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn" sẽ tăng lên số tiền 2.576.000.000 đồng và chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" sẽ giảm đi số tiền tương ứng; tại ngày 31/12/2018, chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn" sẽ tăng lên số tiền 15.218.369.050 đồng và chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



A blue ink signature, likely belonging to Trương Thị Hoài Anh, written in a cursive style.

Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		362.803.335.227	252.063.164.292
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	70.742.206.079	41.685.423.283
111	1. Tiền		64.542.206.079	41.685.423.283
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.200.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		169.755.935.044	179.452.462.862
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	140.296.529.235	128.109.479.093
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	20.393.456.184	46.542.237.793
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	9.065.949.625	4.800.745.976
140	IV. Hàng tồn kho	7	101.652.093.710	28.407.662.210
141	1. Hàng tồn kho		101.652.093.710	28.407.662.210
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.653.100.394	2.517.615.937
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	288.764.343	427.976.861
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		20.364.336.051	2.089.639.076
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		348.280.501.159	143.123.762.775
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	10.000.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	10.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		123.531.730.036	109.300.124.547
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	113.078.951.142	108.905.887.534
222	- Nguyên giá		272.292.177.983	254.713.910.415
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(159.213.226.841)	(145.808.022.881)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	10.213.998.557	-
225	- Nguyên giá		10.271.060.000	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(57.061.443)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	238.780.337	394.237.013
228	- Nguyên giá		1.312.916.800	1.312.916.800
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.074.136.463)	(918.679.787)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		221.262.619.127	21.298.349.579
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	221.262.619.127	21.298.349.579
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.486.151.996	2.525.288.649
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.486.151.996	2.525.288.649
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		711.083.836.386	395.186.927.067

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		528.100.294.983	212.021.296.522
310	I. Nợ ngắn hạn		360.006.312.530	204.468.001.735
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	179.421.972.848	63.061.903.136
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		788.648.624	1.091.570.013
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.179.033.359	1.543.326.199
314	4. Phải trả người lao động		4.469.927.384	9.075.682.298
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	4.205.878.189	11.858.973.643
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.976.769.455	12.353.448.110
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	162.079.407.872	102.043.853.259
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		884.674.799	3.439.245.077
330	II. Nợ dài hạn		168.093.982.453	7.553.294.787
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	-	20.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	168.093.982.453	7.502.668.948
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	30.625.839
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		182.983.541.403	183.165.630.545
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	182.983.541.403	183.165.630.545
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.073.120.000	100.073.120.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>100.073.120.000</i>	<i>100.073.120.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.085.558.000	8.085.558.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		3.448.146.918	3.448.146.918
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		57.106.905.302	52.029.358.328
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14.269.811.183	19.529.447.299
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>490.181.195</i>	<i>420.476</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>13.779.629.988</i>	<i>19.529.026.823</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		711.083.836.386	395.186.927.067



Khúc Thị Minh Phương
Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Hà Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	769.900.417.894	769.090.432.755
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	2.005.125.754	963.116.866
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		767.895.292.140	768.127.315.889
11	4. Giá vốn hàng bán	22	656.356.317.797	636.637.752.348
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		111.538.974.343	131.489.563.541
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	387.397.197	69.323.756
22	7. Chi phí tài chính	24	10.508.756.761	8.685.659.449
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		9.652.571.818	7.297.884.739
25	8. Chi phí bán hàng	25	53.225.265.594	67.311.115.829
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31.416.386.324	31.109.226.347
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.775.962.861	24.452.885.672
31	11. Thu nhập khác	27	674.670.651	1.510.118.696
32	12. Chi phí khác	28	63.523.737	1.030.974.725
40	13. Lợi nhuận khác		611.146.914	479.143.971
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.387.109.775	24.932.029.643
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	3.607.479.787	5.403.002.820
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		13.779.629.988	19.529.026.823
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.377	1.951

[Signature]
Khúc Thị Minh Phương
Người lập

[Signature]
Hà Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng

[Signature]
Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc



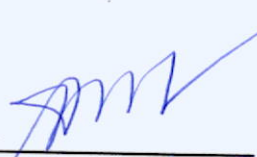
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2018


(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		826.929.041.890	767.373.048.591
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(732.140.590.466)		(683.377.502.131)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(59.776.028.287)		(63.881.832.088)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(9.566.431.577)		(7.238.692.058)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2.579.619.068)		(12.585.339.404)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	727.397.924		905.633.825
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(48.889.597.558)		(48.970.139.133)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(25.295.827.142)	(47.774.822.398)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(154.680.153.704)		(41.100.040.282)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	27.272.727		1.051.042.690
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	385.031.279		67.454.267
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(154.267.849.698)		(39.981.543.325)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay	747.638.655.101		440.896.589.331
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(525.532.364.983)		(391.157.768.515)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	(1.479.422.000)		-
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(12.008.774.400)		-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	208.618.093.718		49.738.820.816
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		29.054.416.878	(38.017.544.907)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		41.685.423.283	79.701.098.701
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.365.918	1.869.489
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		70.742.206.079	41.685.423.283


Khúc Thị Minh Phương
Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019


Hà Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Hội
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 27/11/2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100.073.120.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 100.073.120.000 đồng; tương đương 10.007.312 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất bánh kẹo, sô cô la, gia vị, mì ăn liền và chế biến các loại thực phẩm khác;
- Kinh doanh các loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu I

Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu II

Địa chỉ

Hung Yên

Nghệ An

Hoạt động kinh doanh chính

Sản xuất thực phẩm

Sản xuất thực phẩm

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	10 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản ...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu là doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

2.26 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm, đồng thời chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	6.200.193.523	169.154.777
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	58.342.012.556	41.516.268.506
Các khoản tương đương tiền	6.200.000.000	-
	70.742.206.079	41.685.423.283

Tại ngày 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Phát hành báo chí Trung Ương	50.255.400.000	-	-	-
Đại lý Lê Văn Đạo	15.897.000.000	-	-	-
Đại lý Hoàng Thị Hiền	12.425.888.693	-	4.790.528.929	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Anh	7.341.691.273	-	360.013.776	-
Đại lý Nguyễn Thị Mai	891.526.841	-	8.463.386.300	-
Phải thu khách hàng khác	53.485.022.428	-	114.495.550.088	-
	140.296.529.235	-	128.109.479.093	-
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	1.768.170.477	-	115.669.400	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn theo đối tượng				
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	-	-	9.669.265.028	-
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư Ban Quản Lý KKT Đông Nam Nghệ An	2.248.687.200	-	2.123.250.000	-
Công ty TNHH DV TM Đầu tư Gia Trung	3.602.750.000	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	2.557.847.840	-	-	-
	11.984.171.144	-	34.749.722.765	-
	20.393.456.184	-	46.542.237.793	-
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	4.248.687.200	-	11.792.515.028	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

6 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	4.785.747.634	-	4.666.288.088	-
Ký cược, ký quỹ	1.525.422.000	-	116.000.000	-
Thuế GTGT thuê tài chính	898.940.364	-	-	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	1.855.839.627	-	-	-
Phải thu khác	-	-	18.457.888	-
	9.065.949.625	-	4.800.745.976	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	84.929.661.882	-	21.943.373.645	-
Công cụ, dụng cụ	827.226.335	-	385.376.954	-
Thành phẩm	15.628.751.458	-	6.078.911.611	-
Hàng hoá	266.454.035	-	-	-
	101.652.093.710	-	28.407.662.210	-

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	221.262.619.127	21.298.349.579
- Công trình dự án tại nhà máy Hưng Yên	44.531.641.015	2.681.062.171
- Dự án nhà máy Hải Châu II tại Nghệ An ⁽¹⁾	141.861.432.685	3.927.896.425
- Công trình dự án nhà văn phòng 15 Mạc Thị Bưởi	20.216.924.727	148.956.909
- Công trình dự án nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai	14.523.800.801	14.523.800.801
- Dự án nhà máy Hải Châu III tại Trà Vinh	16.633.273	16.633.273
- Dự án Vĩnh Long	112.186.626	-
	221.262.619.127	21.298.349.579

Thông tin chi tiết về một số dự án của Công ty:

(1): Dự án nhà máy Hải Châu II tại Nghệ An

Dự án được cấp phép đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7085668383 do Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An cấp ngày 09 tháng 03 năm 2018. Với các thông tin chi tiết sau:

- Mục tiêu dự án: Phát triển, mở rộng quy mô sản xuất, hợp lý hóa sản xuất, tiêu thụ; nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm và công ty;
- Diện tích đất sử dụng: 5 ha;
- Tổng vốn đầu tư của dự án: 360,275 tỷ đồng;
- Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày được chấp thuận đầu tư
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2018: Dự án đang trong giai đoạn chạy thử.

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	221.262.619.127	21.298.349.579
- Công trình dự án tại nhà máy Hưng Yên	44.531.641.015	2.681.062.171
- Dự án nhà máy Hải Châu II tại Nghệ An ⁽¹⁾	141.861.432.685	3.927.896.425
- Công trình dự án nhà văn phòng 15 Mạc Thị Bưởi	20.216.924.727	148.956.909
- Công trình dự án nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai	14.523.800.801	14.523.800.801
- Dự án nhà máy Hải Châu III tại Trà Vinh	16.633.273	16.633.273
- Dự án Vĩnh Long	112.186.626	-
	221.262.619.127	21.298.349.579

Thông tin chi tiết về một số dự án của Công ty:

(1): Dự án nhà máy Hải Châu II tại Nghệ An

Dự án được cấp phép đầu tư theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7085668383 do Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An cấp ngày 09 tháng 03 năm 2018. Với các thông tin chi tiết sau:

- Mục tiêu dự án: Phát triển, mở rộng quy mô sản xuất, hợp lý hóa sản xuất, tiêu thụ; nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm và công ty;
- Diện tích đất sử dụng: 5 ha;
- Tổng vốn đầu tư của dự án: 360,275 tỷ đồng;
- Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày được chấp thuận đầu tư
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2018: Dự án đang trong giai đoạn chạy thử.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

9 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	112.915.728.799		127.269.323.214		13.340.628.048		1.188.230.354		254.713.910.415	
- Mua trong năm	1.011.762.000		15.675.018.475		1.217.236.363		-		17.904.016.838	
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		(325.749.270)		-		(325.749.270)	
Số dư cuối năm	113.927.490.799		142.944.341.689		14.232.115.141		1.188.230.354		272.292.177.983	
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	41.617.636.714		97.301.601.185		6.091.424.149		797.360.833		145.808.022.881	
- Khấu hao trong năm	6.386.115.529		5.768.795.510		1.394.030.597		182.011.594		13.730.953.230	
- Thanh lý, nhượng bán	-		-		(325.749.270)		-		(325.749.270)	
Số dư cuối năm	48.003.752.243		103.070.396.695		7.159.705.476		979.372.427		159.213.226.841	
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	71.298.092.085		29.967.722.029		7.249.203.899		390.869.521		108.905.887.534	
Tại ngày cuối năm	65.923.738.556		39.873.944.994		7.072.409.665		208.857.927		113.078.951.142	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 18.080.014.694 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 97.256.361.987 đồng.

10 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Toàn bộ tài sản cố định thuế tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị sản xuất bánh kẹo tại nhà máy Hưng Yên với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2018 là 10.271.060.000 đồng và 57.061.443 đồng. Khấu hao trong năm là 57.061.443 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.071.266.800	241.650.000	1.312.916.800
Số dư cuối năm	1.071.266.800	241.650.000	1.312.916.800
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	758.813.955	159.865.832	918.679.787
- Khấu hao trong năm	107.126.676	48.330.000	155.456.676
Số dư cuối năm	865.940.631	208.195.832	1.074.136.463
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	312.452.845	81.784.168	394.237.013
Tại ngày cuối năm	205.326.169	33.454.168	238.780.337

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	271.150.205	315.896.676
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	17.614.138	112.080.185
	288.764.343	427.976.861
b) Dài hạn		
Chi phí giải phóng mặt bằng trừ vào tiền thuê đất	-	612.492.640
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.486.151.996	1.620.527.277
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	292.268.732
	3.486.151.996	2.525.288.649

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Tổng Công ty	52.417.750.675	52.417.750.675	-	-
Mía đường I - CTCP				
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	96.094.897.797	96.094.897.797	52.082.134.544	52.082.134.544
Công ty TNHH Đức Lộc	13.844.285.715	13.844.285.715	-	-
Phải trả các đối tượng khác	17.065.038.661	17.065.038.661	10.979.768.592	10.979.768.592
	179.421.972.848	179.421.972.848	63.061.903.136	63.061.903.136
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	148.512.648.472	148.512.648.472	52.082.134.544	52.082.134.544

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÁU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	31.061.693.284	29.555.793.096	-	1.505.900.188	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	1.225.268.714	1.225.268.714	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	1.329.619.068	3.607.479.787	2.579.619.068	-	2.357.479.787	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	212.861.891	819.347.181	716.555.688	-	315.653.384	-	-	-	-	-
Thuế Tài nguyên	-	-	845.240	29.460.500	30.305.740	-	-	-	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	4.368.510.075	4.368.510.075	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-	-	-	-	-	-
	-	-	1.543.326.199	41.115.759.541	38.480.052.381	-	4.179.033.359	-	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

110
 NG
 HIEM
 KIEP
 AA
 KIEP

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	195.172.673	109.032.432
- Chi phí hỗ trợ nhà phân phối, đại lý	1.215.332.269	1.438.863.014
- Chi phí khảo sát thị trường nước ngoài	-	3.000.000.000
- Chi phí chiết khấu cho nhà phân phối, đại lý	-	4.591.279.119
- Chi phí vận chuyển	1.132.170.947	1.611.384.736
- Chi phí phải trả khác	1.663.202.300	1.108.414.342
	<u>4.205.878.189</u>	<u>11.858.973.643</u>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	114.790.176	1.260.842
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	-
- Các khoản phải trả người lao động khác	-	8.503.637.243
- Phải trả Công ty cổ phần Nhà Hà Nội số 07	3.000.000.000	3.000.000.000
- Bảo hành phải trả	229.789.353	390.717.934
- Các khoản đặt cọc, thế chấp và ký quỹ	418.054.000	424.200.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	194.135.926	33.632.091
	<u>3.976.769.455</u>	<u>12.353.448.110</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	20.000.000
	<u>-</u>	<u>20.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

17 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	102.043.853.259	102.043.853.259	580.071.578.535	520.036.023.922	162.079.407.872	162.079.407.872
	102.043.853.259	102.043.853.259	580.071.578.535	520.036.023.922	162.079.407.872	162.079.407.872
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn ngân hàng	7.502.668.948	7.502.668.948	86.213.816.306	5.496.341.061	88.220.144.193	88.220.144.193
- Công ty Cổ phần Picezza Việt Nam	-	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
- Tổng Công ty mía đường I - CTCP	-	-	45.386.131.200	-	45.386.131.200	45.386.131.200
- Vay dài hạn cá nhân	-	-	4.599.363.060	-	4.599.363.060	4.599.363.060
- Nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	11.367.766.000	1.479.422.000	9.888.344.000	9.888.344.000
	7.502.668.948	7.502.668.948	167.567.076.566	6.975.763.061	168.093.982.453	168.093.982.453
c) Các khoản vay với bên liên quan						
(Xem chi tiết tại thuyết minh số 34)	-	-	-	-	69.010.794.260	69.010.794.260



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO HẢI CHÂU**Báo cáo tài chính**

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2018	Hình thức đảm bảo tiền vay
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/144344/HĐTD ngày 27/04/2018	70.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	65.509.311.366	Tài sản đảm bảo
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng Hợp đồng tín dụng số 8269.18.065.29907.TD ngày 12/04/2018	100.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Hết ngày 16/03/2019	Theo từng giấy nhận nợ	47.071.626.315	Tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm Hợp đồng cho vay hạn mức số 59KHDNL/2018-HĐCVHM/NHCT122-HAICHAU ngày 03/08/2018	50.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Hết ngày 30/06/2019	Theo từng giấy nhận nợ	49.498.470.191	Tài sản đảm bảo
	Tổng cộng					162.079.407.872	



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2018	Hình thức đảm bảo tiền vay
I	Vay dài hạn ngân hàng					88.220.144.193	
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng					19.770.851.667	
1.1	Hợp đồng tín dụng số 9523.17.065.29907.TD ngày 08/08/2017	Tối đa VNĐ quy đổi tương đương 271,831 EUR theo tỷ giá tại thời điểm giải ngân	Thanh toán chi phí nhập 01 dây chuyền sản xuất thức ăn nhanh snack và 01 máy đóng gói Comerk	Tối đa 36 tháng	Quy định theo từng giấy nhận nợ	4.030.958.948	Tài sản đảm bảo
1.2	Hợp đồng tín dụng số 19328.17.065.29907.TD ngày 20/09/2017	2.499.420.000	Thanh toán chi phí nhập 01 dây chuyền cân định lượng và đóng gói đường VFFS	48 tháng	Quy định theo từng giấy nhận nợ	1.586.814.000	Tài sản đảm bảo
1.3	Hợp đồng cho vay số 4913.18.065.29907.TD ngày 07/02/2018	1.109.250.000	Thanh toán bù đắp tiền khách hàng đã mua xe phục vụ hoạt động chuyên chở cán bộ công nhân viên của Công ty	48 tháng	Lãi suất thả nổi	855.046.875	Tài sản đảm bảo
1.4	Hợp đồng cho vay số 9413.18.065.29907.TD ngày 30/03/2018	2.025.082.780	Thanh toán bù đắp tiền mua máy làm bánh mỳ siêu mềm theo hợp đồng ngoại số KJ9447/17/J/NT ngày 16/08/2017	48 tháng	Lãi suất thả nổi	1.647.082.780	Tài sản đảm bảo
1.5	Hợp đồng cho vay số 9370.18.065.29907.TD ngày 30/03/2018	1.640.100.000	Thanh toán chi phí mua 01 dây chuyền sản xuất thạch tự động mới 100% xuất xứ Đài Loan	48 tháng	Lãi suất thả nổi	1.066.065.000	Tài sản đảm bảo
1.6	Hợp đồng cho vay số 13342.18.065.29907.TD ngày 26/04/2018	785.400.000	Thanh toán tiền mua máy bơm kem bánh mỳ sản xuất tại Việt Nam theo Hợp đồng số 55/2018/TMTVĐT-HC ngày 28/02/2018	48 tháng	Lãi suất thả nổi	561.000.000	Tài sản đảm bảo
1.7	Hợp đồng cho vay số 33244.18.065.29907.TD ngày 21/09/2018	10.734.679.200	Thanh toán bù đắp 70% giá trị dây chuyền sản xuất bánh trung thu và manju	48 tháng	Lãi suất thả nổi	10.023.884.064	Tài sản đảm bảo

IN KẾ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2018	Hình thức đảm bảo tiền vay
2	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội					58.449.292.526	
2.1	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/144344/HĐTD ngày 06/10/2017	35.267.000.000	Phát hành LC và thanh toán các chi phí đầu tư dây chuyền sản xuất bánh quy giòn, bánh quy cứng và bánh quy mềm	120 tháng	Lãi suất thả nổi	24.700.656.600	Tài sản đảm bảo
2.2	Hợp đồng tín dụng số 02/2018/144344/HĐTD ngày 08/08/2018	33.748.635.926	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	120 tháng	Lãi suất thả nổi	33.748.635.926	Tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên					10.000.000.000	
3.1	Hợp đồng cho vay số 159LBN/2018/HĐCV ngày 16/11/2018	10.000.000.000	Bù đắp vốn cho Hợp đồng ngoại số 2018-0319-07/ GORRERI - HC ngày 09/02/2018	48 tháng	Lãi suất thả nổi	10.000.000.000	Tài sản đảm bảo
II	Công ty Cổ phần Picezza Việt Nam					20.000.000.000	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 02/2018/HC-PICENZA ngày 08/05/2018	20.000.000.000	Bổ sung vốn kinh doanh	36 tháng	6,5%/năm, tháng đầu tiên của thời hạn vay không tính lãi	20.000.000.000	Tin chấp
III	Tổng Công ty Mía đường I - CTCP					45.386.131.200	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2018/HC-SUGAR I	5.386.135.200	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	5.386.135.200	Tin chấp
2	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2018/HC-SUGAR I	39.999.996.000	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	39.999.996.000	Tin chấp

27
 05
 TY
 HỮU
 M T
 SC

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2018	Hình thức đảm bảo tiền vay
IV	Các khoản vay cá nhân	4.599.363.060	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	4.599.363.060	Tín chấp
	Theo các hợp đồng vay cá nhân cụ thể					4.599.363.060	

Thông tin liên quan đến khoản nợ thuê tài chính:

Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng số 2018-00238-000 ngày 21/12/2018 ký với bên cho thuê là Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam, với các thông tin chi tiết sau:

- Tổng giá trị nợ gốc là: 11.380.166.000 đồng;
- Tài sản thuê: Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh bao gồm: Máy làm bánh quy, máy làm Cookies, máy ép lương khô, máy sản xuất bánh mỳ, lò nướng quay ...;
- Thời hạn thuê: 48 tháng;
- Lãi suất: 7,76%/năm;
- Số dư nợ gốc còn phải trả tại 31/12/2018 là 8.989.403.636 đồng (trong đó, nợ gốc phải trả trong năm tới là 1.980.148.806 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KEO HẢI CHÂU

Báo cáo tài chính

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.073.120.000	8.085.558.000	3.448.146.918	17.748.358.328	36.457.420.476	165.812.603.722
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	19.529.026.823	19.529.026.823
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	34.281.000.000	(36.457.000.000)	(2.176.000.000)
Số dư cuối năm trước	100.073.120.000	8.085.558.000	3.448.146.918	52.029.358.328	19.529.447.299	183.165.630.545
Số dư đầu năm nay	100.073.120.000	8.085.558.000	3.448.146.918	52.029.358.328	19.529.447.299	183.165.630.545
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	13.779.629.988	13.779.629.988
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	5.077.546.974	(19.039.266.104)	(13.961.719.130)
Số dư cuối năm nay	100.073.120.000	8.085.558.000	3.448.146.918	57.106.905.302	14.269.811.183	182.983.541.403

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 367/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận chưa phân phối đến 31/12/2017	100.00%	19.529.447.298
Trích Quỹ đầu tư phát triển	26.00%	5.077.546.974
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.00%	1.952.944.730
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	61.49%	12.008.774.400
Lợi nhuận chưa phân phối	2.51%	490.181.194

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	44.85%	44.884.460.000	44.85%	44.884.460.000
Ông Nguyễn Văn Hội	18.84%	18.855.930.000	18.84%	18.855.930.000
Bà Cao Thị Hồng Liên	12.93%	12.939.360.000	12.93%	12.939.360.000
Ông Cao Chiến Thắng	8.54%	8.550.000.000	8.54%	8.550.000.000
Các cổ đông khác	14.83%	14.843.370.000	14.83%	14.843.370.000
	100%	100.073.120.000	100%	100.073.120.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.073.120.000	100.073.120.000
- Vốn góp đầu năm	100.073.120.000	100.073.120.000
- Vốn góp cuối năm	100.073.120.000	100.073.120.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	12.008.774.400	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	12.008.774.400	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(12.008.774.400)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(12.008.774.400)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.007.312	10.007.312
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	10.007.312	10.007.312
- Cổ phiếu phổ thông	10.007.312	10.007.312
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.007.312	10.007.312
- Cổ phiếu phổ thông	10.007.312	10.007.312
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	57.106.905.302	52.029.358.328
	57.106.905.302	52.029.358.328

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với nhà nước để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thông tin chi tiết về các lô đất thuê như sau:

<u>Vị trí</u>	<u>Diện tích (m2)</u>	<u>Thời gian thuê</u>
Số 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	17.465.0	Đến năm 2023
Ngõ 622 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	1.794.6	Đến năm 2043
Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	54.645.0	Đến năm 2057

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	6.347.82	6.361.02
- Đồng Euro (EUR)	410.41	448.44

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	764.784.760.598	764.992.559.997
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.115.657.296	4.097.872.758
	<u>769.900.417.894</u>	<u>769.090.432.755</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<u>2.264.063.165</u>	<u>712.345.595</u>

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu thương mại	-	948.177.029
Hàng bán bị trả lại	2.005.125.754	14.939.837
	<u>2.005.125.754</u>	<u>963.116.866</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng đã bán	656.356.317.797	636.637.752.348
	<u>656.356.317.797</u>	<u>636.637.752.348</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	385.031.279	67.454.267
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.365.918	1.869.489
	387.397.197	69.323.756

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.652.571.818	7.297.884.739
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	856.184.943	1.387.774.710
	10.508.756.761	8.685.659.449

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.233.295.706	748.549.258
Chi phí nhân công	11.596.767.993	10.761.533.242
Chi phí khấu hao tài sản cố định	684.279.668	3.554.945.423
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.376.364.465	16.175.918.967
Chi phí khác bằng tiền	21.334.557.762	36.070.168.939
	53.225.265.594	67.311.115.829

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.219.339.457	565.377.473
Chi phí nhân công	11.152.464.865	10.993.993.021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.916.456.485	3.457.092.561
Thuế, phí, lệ phí	4.765.958.945	4.067.365.154
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.067.764.431	2.263.711.895
Chi phí khác bằng tiền	9.294.402.141	9.761.686.243
	31.416.386.324	31.109.226.347

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	27.272.727	83.686.091
Thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng 461 Minh Khai	-	853.542.118
Thu nhập từ cho thuê tài sản	647.397.924	283.000.000
Thu nhập khác	-	289.890.487
	674.670.651	1.510.118.696

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	665.040.149
Các khoản bị phạt	49.782.292	364.195.077
Chi phí khác	13.741.445	1.739.499
	63.523.737	1.030.974.725

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.387.109.775	24.932.029.643
Các khoản điều chỉnh tăng	650.289.166	834.866.244
- Chi phí không hợp lệ	650.289.166	834.866.244
Thu nhập chịu thuế TNDN	18.037.398.941	25.766.895.887
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	3.607.479.787	5.153.379.177
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	249.623.643
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.607.479.787	5.403.002.820
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.329.619.068	8.511.955.653
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.579.619.068)	(12.585.339.405)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.357.479.787	1.329.619.068

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	13.779.629.988	19.529.026.823
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.779.629.988	19.529.026.823
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.007.312	10.007.312
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.377	1.951

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	482.820.004.529	566.480.725.635
Chi phí nhân công	62.231.377.461	60.161.960.422
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.943.471.349	18.896.959.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.809.293.393	73.704.837.270
Chi phí khác bằng tiền	7.720.676.341	4.925.530.043
	630.524.823.073	724.170.013.204

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.742.206.079	-	41.685.423.283	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	149.362.478.860	-	132.910.225.069	-
Các khoản cho vay	-	-	10.000.000.000	-
	220.104.684.939	-	184.595.648.352	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			330.173.390.325	109.546.522.207
Phải trả người bán, phải trả khác			183.398.742.303	75.435.351.246
Chi phí phải trả			4.205.878.189	11.858.973.643
			517.778.010.817	196.840.847.096

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.742.206.079	-	-	70.742.206.079
Phải thu khách hàng, phải thu khác	149.362.478.860	-	-	149.362.478.860
	<u>220.104.684.939</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>220.104.684.939</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.685.423.283	-	-	41.685.423.283
Phải thu khách hàng, phải thu khác	132.910.225.069	-	-	132.910.225.069
Các khoản cho vay	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
	<u>174.595.648.352</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>184.595.648.352</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	162.079.407.872	168.093.982.453	-	330.173.390.325
Phải trả người bán, phải trả khác	183.398.742.303	-	-	183.398.742.303
Chi phí phải trả	4.205.878.189	-	-	4.205.878.189
	349.684.028.364	168.093.982.453	-	517.778.010.817
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	102.043.853.259	7.502.668.948	-	109.546.522.207
Phải trả người bán, phải trả khác	75.415.351.246	20.000.000	-	75.435.351.246
Chi phí phải trả	11.858.973.643	-	-	11.858.973.643
	189.318.178.148	7.522.668.948	-	196.840.847.096

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	Cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	Chi nhánh của Tổng Công ty Mía đường I - CTCP
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Picensa Việt Nam	Giám đốc là em ruột Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT
Bà Cao Thị Hồng Liên	Vợ Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂUSố 15, phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	2.264.063.165	712.345.595
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	359.526.639	556.539.595
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	1.016.462.026	155.806.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	888.074.500	-
Mua hàng hóa, vật tư	620.336.919.028	530.060.216.708
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	135.945.632.237	69.430.730.363
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	484.391.286.791	460.629.486.345
Vay vốn	69.010.794.260	-
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	45.386.131.200	-
Công ty Cổ phần Picensa Việt Nam	20.000.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Hội	2.149.576.020	-
Bà Cao Thị Hồng Liên	1.475.087.040	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu khách hàng	1.768.170.477	115.669.400
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	290.886.149	-
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	1.477.284.327	115.669.400
Ứng trước cho nhà cung cấp	4.248.687.200	11.792.515.028
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	-	9.669.265.028
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	2.000.000.000	-
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	2.248.687.200	2.123.250.000
Phải thu về cho vay	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	-	10.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	148.512.648.472	52.082.134.544
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	52.417.750.675	-
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	96.094.897.797	52.082.134.544
Vay	69.010.794.260	-
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	45.386.131.200	-
Công ty Cổ phần Picensa Việt Nam	20.000.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Hội	2.149.576.020	-
Bà Cao Thị Hồng Liên	1.475.087.040	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	506.223.203	444.989.708
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.808.501.225	3.181.286.424

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại lại</u> VND	<u>Đã trình bày trên</u> <u>báo cáo năm</u> <u>trước</u> VND
			VND
Bảng Cân đối kế toán			
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	46.542.237.793	56.542.237.793
Phải thu về cho vay dài hạn	215	10.000.000.000	-

Nguyên nhân điều chỉnh:

Phân loại lại khoản cho vay dài hạn với Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương số tiền 10.000.000.000 đồng;






Khúc Thị Minh Phương **Hà Thị Phương Thảo** **Nguyễn Văn Hội**
 Người lập Kế toán trưởng Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2019